

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VẤN ĐỀ TỰ DO TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI HOA KỲ

NGUYỄN VĂN DŨNG^(*)

1. Vài nét về bức tranh đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là một trong số ít các quốc gia trên thế giới mà ở đó hiện diện đầy đủ các giáo hội tôn giáo lớn nhỏ, các giáo phái cũ mới đủ loại, với nhiều loại quan điểm, khuynh hướng từ bảo thủ đến cấp tiến, thậm chí là cực đoan. Nếu như trước những năm 70 thế kỉ XX con số thống kê các giáo hội và giáo phái ở Hoa Kỳ mới chỉ là 250⁽¹⁾, thì đến năm 1993, theo thống kê của cuốn “*Từ điển tổ chức tôn giáo Mỹ*”, con số này đã là 2500 tổ chức tôn giáo, ngoài ra còn có hàng nghìn tổ chức tôn giáo tương đối nhỏ chưa được thống kê⁽²⁾. Hoa Kỳ là một trong số các nước mà ở đó, theo cách nói của C.Mác, “ý thức tôn giáo hưởng lạc và ngập chìm trong sự muôn màu muôn vẻ của sự khác biệt tôn giáo và sự đa dạng tôn giáo”⁽³⁾. Ở đất nước này, người ta thấy tất cả các tôn giáo thế giới cũng như các tín ngưỡng bản địa cùng chung sống, cùng cạnh tranh trong xã hội thị trường đặc trưng kiểu Mỹ, đó là các giáo hội Tin Lành, giáo hội Công giáo, Chính Thống giáo, Do Thái giáo, Islam giáo, Ấn Độ giáo, Sikh giáo, Phật giáo, Baha'i giáo, Đạo giáo, tôn giáo tín ngưỡng bản địa của người Indian, các tôn giáo mới, v.v... Sự đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ là kết quả của quá trình phát triển lịch sử của đất nước này. Dân cư

Hoa Kỳ, ngoài những người Indian (thổ dân Da đỏ), là những người di cư và hậu duệ của họ thuộc các chủng tộc, dân tộc khác nhau từ các nước Châu Âu, Châu Á, Châu Phi. Họ là những tín đồ của các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau và khi đến Hoa Kỳ họ mang theo cả tôn giáo, tín ngưỡng của mình. Quá trình di cư đó diễn ra trong lịch sử và cho đến ngày nay vẫn đang tiếp tục. Do vậy, bức tranh tôn giáo Hoa Kỳ đã đa dạng, nay càng thêm đa dạng.

Đại bộ phận các tín đồ ở Hoa Kỳ thuộc các giáo hội Tin Lành. Điều này được giải thích như sau. Những người di cư tới Hoa Kỳ từ các nước Anh, Pháp và các nước Châu Âu khác chủ yếu là tín đồ thuộc các nhóm tôn giáo bị Giáo hội Công giáo đang thống trị ở Châu Âu truy bức và xua đuổi. Khi tới Hoa Kỳ họ đã tập hợp lại thành các tổ chức tôn giáo phù hợp với tổ chức tôn giáo mà họ đã theo đuổi ở Châu Âu, đó là các giáo hội Tin Lành. Thí dụ, những người theo giáo phái Calvin (Calvinism) đến Hoa Kỳ từ các nước Hà Lan, Thụy Sĩ, Scôtlan và những nước

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Theo: L.N.Velikovich. *Tôn giáo và giáo hội ở Hoa Kỳ*. NXB Nauka. Moskva 1978, tr 22 (tiếng Nga).

2. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*. NXB văn hiến KHXH, Bắc Kinh 2001. Bản dịch của Trần Nghĩa Phương lưu tại thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo, phần I năm 2007, tr.12.

3. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Tác phẩm*, T.1, tr. 397 (tiếng Nga)

Châu Âu khác đã thành lập Giáo hội phái Trưởng Lão (Presbyterian church) và các giáo hội Cải cách (Reformed church). Những người nhập cư đến từ Italia, Ailen và các nước khác thành lập các cộng đồng Công giáo, những người đến từ Nga và một số nước khác thì thành lập các cộng đồng Chính Thống giáo. Tất cả tín đồ các tôn giáo đều có mối liên hệ đến nguồn gốc dân tộc của mình. Thí dụ, các tín đồ Công giáo, phần lớn là người Italia, người Ailen, người Tây Ban Nha. Cùng với số lượng lớn tín đồ 3 tôn giáo chính là Tin Lành giáo, Công giáo, Do Thái giáo, ở Hoa Kỳ còn có các tín đồ Chính Thống giáo, Phật giáo, Islam giáo, Ấn Độ giáo và các tôn giáo khác sinh sống. Con số thống kê cho thấy 10 giáo hội, giáo phái Kitô giáo lớn ở Hoa Kỳ chiếm tới 90% tín đồ tôn giáo của nước này là: Giáo hội Công giáo La Mã, phái Báp-tít (Baptist), phái Methodit (Methodist), phái Luther (Lutheran), phái Trưởng Lão (Presbyterian), hay phái “Môn đồ của Chúa Kitô (Disciple of Christ), Giáo hội Chúa Kitô (Churches of Christ), Giáo hội Chính Thống giáo Phương Đông (Eastern Orthodox Church), Giáo hội Thể chế Giám mục (Episcopal Church), phái Mormon (Mormon/Latter Day Saints) và Giáo hội Liên hợp Chúa Kitô (United Church of Christ)⁽⁴⁾. Theo một số liệu khác của cuộc “*Điều tra tình hình tôn giáo toàn quốc*” năm 1990 do Viện Nghiên cứu sinh thuộc Đại học thành phố New York tiến hành, trong tổng số người từ 18 tuổi trở lên ở 48 bang của Hoa Kỳ (trừ bang Alaska và Hawaii), tín đồ Kitô giáo ước khoảng 151.220.000 người, chiếm 86,2% số người được điều tra; tín đồ Do Thái giáo ước khoảng 3.130.000 người, chiếm 1,8% số người được điều tra; tín đồ

Islam giáo ước khoảng 527.000 người, chiếm 0,5% số người được điều tra; tín đồ Phật giáo ước khoảng 401.000 người, chiếm 0,4% số người được điều tra; tín đồ Ấn Độ giáo ước khoảng 227.000 người, chiếm 0,2% số người được điều tra. Các tôn giáo khác cũng chỉ chiếm một tỉ lệ khá nhỏ, khoảng 0,4% số người được điều tra. Trong khi đó có 2,3% số người được hỏi từ chối trả lời khuynh hướng tôn giáo của mình và 8,2% số người được hỏi đã trả lời là họ không theo tôn giáo nào⁽⁵⁾. Đây là những số liệu được Chính phủ Hoa Kỳ và các học giả Mỹ sử dụng nhiều vì chúng có độ tin cậy khá cao.

Một đặc điểm khác của tình hình tôn giáo ở Hoa Kỳ là, tuy số lượng các tổ chức tôn giáo rất nhiều, chỉ riêng Tin Lành giáo đã vượt quá con số 220 giáo phái cùng hoạt động vào cuối thế kỉ XX, nhưng không có một giáo hội tôn giáo nào được thừa nhận là giáo hội chiếm địa vị thống trị - hay còn gọi là quốc giáo. Đặc điểm này đã được C.Mác và Ph. Ăngghen nhận xét ngay từ thế kỉ XIX trong tác phẩm “*Gia đình thần thánh*”. Hai ông viết: “... Tôn giáo được phát triển một cách toàn diện trên thực tế chỉ ở những nơi mà ở đó không có bất kì một tôn giáo nào được ưu đãi (chúng tôi nhắc tới các bang Bắc Mỹ)”⁽⁶⁾.

Đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ là một khái niệm rất rộng. Ở Hoa Kỳ có rất nhiều tổ chức tôn giáo cùng hoạt động, cạnh tranh lẫn nhau trong cuộc chiến giành con tim, khối óc của người dân Mỹ.

4. L.N.Velikovich. *Tôn giáo và giáo hội ở Hoa Kỳ*. Sđd., tr. 23.

5. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*. Sđd, Phần I, năm 2007, tr.14.

6. C.Mác, Ph. Ăngghen. *Tác phẩm*. T.2, tr 129 (tiếng Nga).

Cùng với các giáo hội có tới hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu tín đồ là các tổ chức tôn giáo nhỏ lẻ tách ra rồi lại sáp nhập trong một dòng chảy liên tục. Một thí dụ điển hình, vào giữa thế kỉ XIX ở Hoa Kỳ có tới gần 300 tổ chức khác nhau thuộc giáo phái Luther, nhưng đến những năm 70 thế kỉ XX do quá trình hợp nhất, con số này chỉ còn lại 10⁽⁷⁾.

Năm 1974, theo số liệu thống kê của các giáo hội Kitô giáo ở Hoa Kỳ có 48.460.427 tín đồ Công giáo, 27.588.478 tín đồ phái Báp-tít (Baptist), 13.303.126 tín đồ phái Methodit (Methodist), 8.658.055 tín đồ phái Luther, 4.015.524 tín đồ phái Trưởng Lão (Presbyterian), 3.503.758 tín đồ phái Mormon, 3.198.212 tín đồ phái Thể chế Giám mục (Episcopalian), 1.876.810 tín đồ phái Giáo đoàn (Congregationalist), 1.355.458 tín đồ phái Môn đồ của Chúa Kitô (Disciples of Christ), 498.177 tín đồ phái Chứng nhân Giêhôva (Jehovah's Witnesses), 494.518 tín đồ phái Ngũ Tuần (Pentecostat), 361.571 tín đồ phái Quân Cứu Thế (Salvation Army), 4.420.000 tín đồ Chính Thống giáo và 5.500.000 tín đồ Do Thái giáo⁽⁸⁾.

Đến năm 1990, theo số liệu thống kê của cuộc "Điều tra tình hình tôn giáo toàn quốc" do Viện Nghiên cứu sinh thuộc Đại học thành phố New York tiến hành, con số tín đồ các giáo hội Kitô giáo Hoa Kỳ có ít nhiều thay đổi. Có giáo hội số tín đồ tăng thêm, song cũng có giáo hội số tín đồ lại giảm đi so với thời điểm gần 20 năm trước đó. Cụ thể như sau: Tín đồ Công giáo - 46.004.000 người (giảm hơn 2 triệu), tín đồ phái Báp-tít - 33.964.000 người (tăng hơn 6 triệu), tín đồ phái Methodit - 14.116.000 người (tăng gần 1 triệu), tín đồ phái Luther - 9.110.000

người (tăng gần 500 nghìn), tín đồ phái Trưởng Lão - 4.985.000 người (tăng gần 1 triệu), tín đồ phái Mormon - 2.487.000 người (giảm hơn 1 triệu), tín đồ phái Thể chế Giám mục - 3.042.000 người (giảm hơn 100 nghìn), tín đồ phái Giáo đoàn - 438.000 người (giảm hơn 1 triệu), tín đồ phái Môn đồ của Chúa Kitô - 144.000 người (giảm hơn 1 triệu), tín đồ phái Chứng nhân Giêhôva - 1.381.000 người (tăng gần 1 triệu), tín đồ phái Ngũ Tuần - 3.116.000 người (tăng gần 3 triệu), tín đồ phái Quân Cứu Thế - 27.000 người (giảm hơn 300 nghìn), tín đồ Chính Thống giáo - 502.000 người (giảm gần 4 triệu), tín đồ Do Thái giáo - 3.130.000 người (giảm hơn 2 triệu)⁽⁹⁾.

Một thống kê khác trong cuốn *Encyclopedia Britannical* xuất bản năm 1998 cho ta một số liệu ít nhiều khác biệt so với số liệu của cuộc điều tra của Viện Nghiên cứu sinh Đại học thành phố New York. Theo đó, năm 1997 ở Bắc Mỹ số tín đồ các giáo phái Tin Lành là 257.129.000 người, tín đồ Do Thái giáo là 5.904.000 người, tín đồ Islam giáo là 4.066.000 người, tín đồ tôn giáo mới là 649.000 người, tín đồ Ấn Độ giáo là 1.129.000 người, tín đồ Phật giáo là 2.132.000 người, tín đồ đạo Baha'i là 740.000 người, tín đồ đạo Sikh là 491.000 người, tín đồ tôn giáo dân gian Trung Quốc là 832.000 người, tín đồ Thần Đạo Nhật Bản là 54.000 người⁽¹⁰⁾.

7. *Western religion. A Country by country. Sociological inquiry.* H.Mol. (Ed.) Hague, 1972, p.538.

8. *La documentation catholique*, 1977, 6 Mar, p.237.

9. Xem: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd. Phần I, năm 2007, tr 14-16. (phần so sánh trong ngoặc đơn là của tác giả bài viết này).

10. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd, Phần I, năm 2007, tr.17

Tuy các số liệu có khác nhau, do các nguồn tư liệu khác nhau và thời điểm thống kê cũng như phương pháp điều tra khác nhau, nhưng đều có thể đi đến hai kết luận chung là: Thứ nhất, Hoa Kỳ thực sự là một nước đa nguyên tôn giáo; Thứ hai, trong bức tranh đa nguyên tôn giáo của Hoa Kỳ, các giáo hội Kitô giáo chiếm màu đậm nhất, đặc biệt là Tin Lành giáo. Song nếu tách Tin Lành giáo ra từng giáo phái cụ thể thì Công giáo lại chiếm vị trí đầu bảng, tiếp đó mới đến các giáo phái Tin Lành. Màu đậm của Kitô giáo còn được thể hiện qua việc lựa chọn tôn giáo của các cư dân thuộc các chủng tộc khác nhau ở Hoa Kỳ. Điều này được thể hiện qua số liệu điều tra của tổ chức Gallup (Hoa Kỳ) những năm 1994 – 1995 và cuộc điều tra của Viện Nghiên cứu sinh Đại học thành phố New York năm 1990⁽¹¹⁾. Kết quả cuộc điều tra năm 1995 của tổ chức Gallup cho thấy, trong tổng số tín đồ Tin Lành giáo Hoa Kỳ người da trắng chiếm 84%, người Mỹ gốc Phi chiếm 13%, người Mỹ Latinh gốc Tây Ban Nha chiếm 2%. Đối với Công giáo Hoa Kỳ, tín đồ người da trắng chiếm 84%, tín đồ người Mỹ gốc Phi chiếm 4%, tín đồ người Mỹ Latinh gốc Tây Ban Nha chiếm 2%⁽¹²⁾. Tỷ lệ này phù hợp với cơ cấu chủng tộc trong thành phần dân số Hoa Kỳ, theo đó người da trắng vừa chiếm đa số trong dân số nước này vừa chiếm đa số trong tổng số tín đồ Kitô giáo (Công giáo và Tin Lành giáo) ở Hoa Kỳ.

Song vị thế của Kitô giáo trong thị trường tôn giáo Hoa Kỳ cũng đang chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của các tôn giáo khác, đặc biệt là Islam giáo. Như chúng ta đã biết, trong vòng nửa thế kỷ qua (1950-2000) số lượng tín đồ Islam giáo ở Hoa Kỳ đã tăng tới 14 lần. Theo dự báo

của các chuyên gia, trong vòng 7-8 năm tới Islam giáo sẽ vươn lên vị trí thứ 2 về số lượng tín đồ, chỉ sau Kitô giáo⁽¹³⁾.

Ngoài giáo hội, giáo phái, bức tranh đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ còn được vẽ nên bởi các chi phái trong mỗi giáo hội, giáo phái. Thí dụ, giáo phái Báp-tít có 20 chi phái độc lập, giáo phái Luther có 12 chi phái độc lập, giáo phái Trưởng Lão có 9 chi phái độc lập, giáo phái Ngũ Tuần có hơn 30 chi phái độc lập, giáo phái Mormon có 4 hệ phái độc lập rất lớn, giáo phái Mennonite có 12 chi phái độc lập, v.v... Đó là mới chỉ nói tới các chi phái trong Tin Lành giáo. Nếu xét tới các tôn giáo khác như Chính Thống giáo, Do Thái giáo, Islam giáo, Phật giáo, v.v... thì chúng ta không thể tưởng tượng nổi số lượng các tổ chức tôn giáo, giáo phái, chi phái ở Hoa Kỳ. Theo số liệu của cuốn *Từ điển các tổ chức tôn giáo Mỹ*, xuất bản năm 1993, trong thế kỷ XX ở Hoa Kỳ, số giáo phái Kitô giáo tăng thêm mới là hơn 900, còn các giáo phái của các tôn giáo khác là hơn 600⁽¹⁴⁾. Sự đa dạng tông phái, giáo phái, chi phái ở Hoa Kỳ đã tạo ra một sự lựa chọn rộng rãi về tôn giáo, tín ngưỡng cho cư dân Mỹ. Sự lựa chọn này có thể dựa vào giáo lý hay căn cứ vào đặc điểm chủng tộc, bối cảnh văn hóa, hoặc có thể kết hợp bởi nhiều yếu tố. Ngoài việc lựa chọn những tôn giáo có sẵn, người Mỹ cũng có thể tạo ra những tín ngưỡng mới cho mình, từ đó xuất hiện trên bức tranh

11. Những số liệu cụ thể xin xem trong: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sdd., Phần I, năm 2007, tr.17 - 18.

12. Princeton Religion Research Center. *Religion in America 1996 Report*, p.42.

13. Xem: Nguyễn Văn Dũng. *Vấn đề Islam giáo trong xã hội Hoa Kỳ hiện nay*. Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*. Số 9/2008, tr.54.

14. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sdd., Phần I, năm 2007, tr. 19-20.

đa nguyên tôn giáo Mỹ những cái gọi là giáo hội “Liên giáo phái” (Interdenomination), giáo hội “không giáo phái” (Nondenomination) hoặc đủ loại các “tôn giáo mới”. Việc lập ra các “tôn giáo mới” ở Hoa Kỳ không có khó khăn gì, chỉ cần nó không trái với luật pháp của Liên bang và chính quyền địa phương là có thể hoạt động. Điều quan trọng là duy trì và phát triển hoạt động của nó như thế nào. Nếu không thu hút được tín đồ, hay vi phạm pháp luật, thì tất yếu nó sẽ đi đến sự diệt vong. Những “cái mới” khác lại tiếp tục ra đời. Cũng có “cái mới” trụ vững với thời gian và tìm được chỗ đứng trên bức tranh đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ. Theo số liệu thống kê trong cuốn “*Bách khoa thư tôn giáo Mỹ*” xuất bản năm 1993, ở Hoa Kỳ có 1.700 tổ chức tôn giáo mới. Số liệu điều tra năm 1997 cho biết ở nước này có khoảng 1,4 triệu tín đồ các tôn giáo mới⁽¹⁵⁾. Như vậy, ở Hoa Kỳ tổ chức tôn giáo mới thì nhiều, song số tín đồ lại không đáng kể. Quy mô của mỗi tổ chức tôn giáo mới ở nước này phần lớn chỉ từ vài chục người đến vài trăm người, số tôn giáo mới có số lượng tín đồ khoảng chục nghìn người rất ít. Sự xuất hiện và đào thải của các tôn giáo mới ở Hoa Kỳ tạo thành một vòng tuần hoàn và người Mỹ gọi hiện tượng này là “phong trào tôn giáo mới”. Nguyên nhân xuất hiện của phong trào này rất phức tạp và có nhiều cách lí giải khác nhau, song một điều có thể nói rằng, đây là sản phẩm của một xã hội thị trường Mỹ điển hình nhìn từ góc độ văn hóa - tôn giáo.

Ngoài ra, trên bức tranh đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ còn có một mảng màu của những “người không tôn giáo”. Mảng màu này trước đây còn mờ nhạt, nhưng từ những năm 50 thế kỉ XX nó đã đậm

dần lên. Số người không tôn giáo đã tăng từ 3% dân số nước Mỹ năm 1957 lên 6,7% vào đầu những năm 80 thế kỉ XX và đến năm 1990 con số này là 7,5% với khoảng 14.330.000 người. Số người không tôn giáo tập trung nhiều ở các bang miền Tây - Bắc Hoa Kỳ, trong đó bang Oregon có tỉ lệ cao nhất, chiếm 17% dân số bang này, vị trí thứ hai là bang Washington với 14% dân số của bang⁽¹⁶⁾. Tổ chức Gallup Hoa Kỳ đưa ra những số liệu cụ thể hơn về tỉ lệ những người không tôn giáo ở nước này. Cụ thể, trong các năm 1988, 1990, 1991, 1992 con số này đạt tới từ 10% đến 11% dân số toàn quốc, còn các năm khác từ 1977-1995 con số này ổn định vào khoảng từ 7% - 9%⁽¹⁷⁾. Nhà nghiên cứu Trung Quốc - Lưu Bành nhận xét: “Tiếng nói của những “người không tôn giáo” vẫn là rất yếu ớt, sự tồn tại của họ làm tăng thêm sắc thái đặc thù cho cái cảnh quan đa nguyên tôn giáo của nước Mỹ”⁽¹⁸⁾.

Để hình dung tiếp về bức tranh đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ, chúng ta hãy xem xét sự phát triển tôn giáo ở một số thành phố qua số lượng và kiến trúc các cơ sở thờ tự. Ở các đô thị của Hoa Kỳ, nhà thờ, thánh thất, giáo đường, chùa chiền mọc lên ở khắp mọi nơi. Số lượng các cơ sở thờ tự, tu viện, trụ sở của các tổ chức tôn giáo và các cơ sở hoạt động tôn giáo khác ở Hoa Kỳ đứng hàng đầu thế giới. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của các giáo hội tôn giáo, con số đó vào khoảng 330.000⁽¹⁹⁾ và nó không ngừng gia

15. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd., Phần II, năm 2008, tr.115.

16. Theo: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd., Phần I, năm 2007, tr. 24.

17. Princeton Religion Rescach Center. *Religion in America 1996 report Princeton*, NJ, 1996, p. 47.

18. Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd., Phần I, năm 2007, tr.25.

19. *The Pilot*, 1977, 18 Mar

tăng do việc xây mới hằng năm. Khi đánh giá về tình hình tôn giáo Hoa Kỳ, chúng ta cần lưu ý một điểm là mỗi người Mỹ đều có quyền xây dựng nhà thờ của mình. Bất cứ người Mỹ nào cũng có thể dùng tiền để có được một tấm bằng tiến sĩ thần học và truyền bá các quan điểm tôn giáo.

Chúng tôi xin đơn cử một vài ví dụ. Tại thành phố Atlanta, thủ phủ bang Georgia ở miền Đông - Nam của Hoa Kỳ, với dân số hơn 1,8 triệu người (năm 1977) đã có tới 3.000 nhà thờ. Tại các phố chính của thành phố có tới 14 nhà thờ, thánh đường và chùa, trong đó có 2 đại giáo đường và một nhà thờ lớn nhất của phái Báp-tít ở khu vực này.

Tại khu vực của Đại học Berkeley nổi tiếng ở Hoa Kỳ, Hội đồng Liên tôn được thành lập năm 1972 đã tập hợp được 204 nhà thờ, thánh đường và các nhóm phái tôn giáo. Ở cả thành phố và vùng nông thôn, các cộng đồng tôn giáo đều sở hữu những tòa nhà đầy đủ tiện nghi⁽²⁰⁾.

Ngoài số lượng nhà thờ, thánh đường và các công trình tôn giáo khác, phong cách kiến trúc của các công trình này cũng rất đa dạng. Mỗi công trình tôn giáo ở Hoa Kỳ đều có vẻ dáng riêng. Về vấn đề này, trong tác phẩm *Tôn giáo Mỹ đương đại*, nhà nghiên cứu của Trung Quốc - Lưu Bành đã viết như sau: “Tuy giáo đường trong cùng một hệ thống tôn giáo, giáo phái ở các thời kì lịch sử khác nhau vẫn giữ được một số điểm giống nhau, nhưng nhìn chung mà nói, hình thức biểu hiện của giáo đường ở nước Mỹ tràn đầy cá tính tươi mới. Trong một thành phố, hầu như không thể tìm thấy hai giáo đường nào có hình thức giống nhau. Từ giáo đường kiểu

tháp chuông nhọn màu trắng truyền thống của vùng New England đến giáo đường kiểu Latinh màu trắng xen lẫn màu hồng ở bang California; từ đại giáo đường tâm cỡ quốc gia ở Washington hùng vĩ uy nghi đến giáo đường thủy tinh kiến trúc điển hình của phái hiện đại ở Los Angeles; từ giáo đường mái vòm của Chính Thống giáo mang phong cách Bizantine đến thánh điện Mormon giáo đặc sắc sừng sững chót vót tận mây xanh; từ nhà thờ Islam giáo mang phong cách Ả-rập đến những ngôi chùa Phật giáo mái ngói lưu li với đầu đao cong vút mang đậm sắc thái Phương Đông. Giáo đường, nhà thờ, đền miếu, chùa chiền, hội sở, mỗi cái một vẻ, muôn hình, nghìn sắc, chúng lặng lẽ đứng trên mảnh đất Hoa Kỳ và muốn phơi bày, giới thiệu với mọi người rằng, tôn giáo nước Mỹ hết sức phong phú, đa dạng. Nếu nói nước Mỹ là bảo tàng tôn giáo lớn nhất thế giới hiện nay, thì các giáo đường với những bối cảnh tôn giáo và truyền thống văn hóa khác nhau sẽ là những hiện vật trưng bày vô cùng phong phú và hấp dẫn nhất của cái bảo tàng hoành tráng này”⁽²¹⁾.

Đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ được tuyên truyền, quảng cáo và ca ngợi như một chỉ số quan trọng nhất của dân chủ và tự do tôn giáo. Nhưng nhìn lại lịch sử Hoa Kỳ, chúng ta thấy không phải hoàn toàn như vậy. Đa nguyên tôn giáo chưa hẳn lúc nào cũng là sự đảm bảo cho tự do tôn giáo. Chính đa nguyên tôn giáo ở Hoa Kỳ đã vẽ nên một ảo ảnh về tự do tôn giáo ở nước này.

20. *Informations Catholiques Internationales*. 1976, No 507, p.27.

21. Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd., Phần I, năm 2007, tr.13

2. Lịch sử vấn đề tự do tôn giáo ở Hoa Kỳ

Đa số người di cư vào Mỹ đều là những tín đồ của các tôn giáo mà họ đã tín ngưỡng khi còn ở Châu Âu. Khi còn ở cố hương, những người này đã bảo vệ những nguyên tắc của tự do tôn giáo. Nhưng khi vượt đại dương sang Mỹ, họ đến định cư ở những vùng di dân (colony) mà ở đó đang thực hiện chính sách phân biệt đối xử với các tôn giáo thiểu số. Trong số 13 vùng di dân (colony) lập nên nhà nước Hợp Chúng Quốc Mỹ hay thường gọi là Hoa Kỳ vào năm 1776 thì có tới 9 colony đã chính thức công nhận hệ thống tôn giáo nhà nước. Họ có các giáo hội độc lập của mình và giáo hội được chu cấp thu nhập từ tiền thuế của người dân. Xem xét những quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ năm 1847 có thể thấy rằng, những người Công giáo đã bị truy bức và bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, những người theo phái Quâyơ (Quaker) đã bị bỏ tù. Nhưng người đàn ông, đàn bà ở địa phương này hay địa phương khác vì theo các tôn giáo thiểu số mà bị truy đuổi. Họ phải nộp thuế và tiền lệ quyền để chu cấp cho giáo hội được nhà nước nâng đỡ, còn giới tăng lữ thì truyền bá các thuyết giáo nhằm củng cố giáo hội nhà nước và gây hận thù đối với các tín đồ khác giáo.

Thí dụ, những di dân ở Massachusetts đặc biệt không có thái độ thân thiện đối với những người thuộc giáo phái Quâyơ và gọi họ là “giáo phái đáng nguyên rủa của những kẻ tà đạo”. Có đạo luật ở Massachusetts coi “những quan điểm tà đạo” là trọng tội phải bị cầm tù, bị đánh 20 roi da và bị đuổi khỏi Colony. Thậm chí đã có 4 người theo giáo phái Quâyơ bị tử hình. Theo Bộ luật của bang Virginia, nếu không đi lễ nhà thờ thì có thể bị phạt lao động khổ sai.

Theo Hiến pháp của bang New Hampshire được thông qua năm 1784, những người không phải là tín đồ Tin Lành thì không thể được vào Hạ viện hoặc Thượng viện của bang này.

Hiến pháp của bang Delaware được thông qua năm 1776 có điều khoản quy định khi được bầu vào Hạ viện hay được bổ nhiệm vào chức vụ nào đó người được bầu phải tuyên thệ rằng mình tin vào Chúa Cha và Chúa Giêsu Kitô, con một của Người và Chúa Thánh Thần, đồng thời xác tín Kinh Thánh - Cựu ước và Tân ước. Điều khoản này được ghi trong Hiến pháp bang Delaware cho tới tận năm 1972.

Hiến pháp bang North Carolina quy định rằng, nếu người nào phủ nhận sự tồn tại của Chúa, phủ nhận tính xác thực của Tin Lành giáo, tính thiêng liêng của Cựu ước và Tân ước hoặc theo tôn giáo không dung hợp với tự do và an ninh của bang thì sẽ không có quyền giữ các chức vụ. Còn ở bang Maryland người ta tỏ thái độ không thể dung thứ đối với những người không thuộc Giáo hội Kitô giáo và không tin vào những tín điều của Chúa Ba Ngôi.

Hiến pháp bang Massachusetts được thông qua năm 1780 cũng quy định rằng, thống đốc, phó thống đốc bang, hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ trước khi nhậm chức phải kí một tuyên bố rằng họ theo Kitô giáo và tin tưởng một cách vững chắc vào tính xác thực của tôn giáo này.

Những ví dụ nêu trên trong lịch sử ở Hoa Kỳ chứng tỏ rằng, các nhà làm luật của các bang ở nước này hoàn toàn không đứng trên lập trường khoan dung tôn giáo.

Nhà xã hội học Mỹ - Glenn Vernon viết rằng, những tín đồ Thanh giáo (Puritan) ở Anh Quốc đến Mỹ không phải để thiết

lập nền dân chủ mà là để xây dựng một xã hội tôn giáo phù hợp với quan điểm của họ. Họ thiết lập một chính thể thần quyền giống như chính thể mà Jean Calvin đã thiết lập ở Geneve. Ở nước Mỹ thuộc địa, những tín đồ Tin Lành giáo truy bức tín đồ giáo phái Quâyco. Theo Glenn Vernon, trước khi nước Mỹ giành được độc lập, chỉ có một số ít người Mỹ ủng hộ việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước.

Thừa nhận một sự thật là, ở Hoa Kỳ việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước chưa khi nào được thực hiện một cách triệt để, Glenn Vernon khẳng định rằng, việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước một cách triệt để không thể có được bởi vì cả hai thể chế đều là một bộ phận của cùng một môi trường văn hóa - xã hội. Từ đó ông cho rằng, việc tách hai thể chế này chỉ mang tính chất tương đối. Tiếp đó Glenn Vernon đã liệt kê các lĩnh vực đan xen quyền lợi giữa Giáo hội và Nhà nước, trong đó bao gồm: Kết hôn, li hôn, kiểm soát sinh đẻ, lao động trẻ em, bảo hiểm xã hội, giáo dục, toà án và nhà tù, phụng vụ tôn giáo trong các lực lượng vũ trang, lễ tuyên thệ, luật về sự xúc phạm những thánh tích của giáo hội, luật về sự tuân thủ ngày chúa nhật, luật về sự tuân thủ các ngày lễ tôn giáo, kiểm duyệt, phát thanh và truyền hình⁽²²⁾. Như vậy, sự hợp tác chặt chẽ giữa Giáo hội và Nhà nước ở Hoa Kỳ được quy định bởi sự cộng đồng quyền lợi giai cấp giữa Giáo hội và Nhà nước Hoa Kỳ. Việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước không dẫn tới việc loại bỏ Giáo hội ra khỏi bộ máy của giai cấp thống trị. Như vậy, do sự đan xen quyền lợi giữa Giáo hội và Nhà nước trong xã hội Hoa Kỳ ở nhiều lĩnh vực, nên việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước không thể thực hiện một cách triệt để.

Năm 1786, nghĩa là 10 năm sau Tuyên ngôn độc lập của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, một đạo luật về tự do tôn giáo đã được thông qua với tên gọi *Đạo luật Virginia* mà tác giả của nó chính là tác giả của *Tuyên ngôn độc lập* - Tomas Jefferson - người mà vào năm 1801 đã trở thành tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ nhiệm kì 1801 – 1809. 220 năm sau, vị tổng thống thứ 43 của Hoa Kỳ - George W. Bush đã chọn ngày thông qua Đạo luật Virginia (16-1-1786) là *Ngày tự do tôn giáo*. Đạo luật Virginia đã tuyên bố về sự độc lập của Giáo hội đối với Nhà nước. Trong đạo luật này viết: "... Không một người nào sẽ bị ép buộc phải duy trì sự sùng bái một tôn giáo nào đó, bất kì giới tầng lớp nào... Nhưng tất cả mọi người sẽ tự do tin theo, bảo vệ ý kiến của mình trong các sự việc tôn giáo, và điều này trong mọi trường hợp đều không được giảm bớt, không được mở rộng hoặc xúc phạm đến các quyền của họ"⁽²³⁾.

Năm 1784, Hiến pháp của Hoa Kỳ được thông qua. Ngay năm sau, Tomas Jefferson đã viết thư cho James Madison, người đã từng điều khiển phiên họp Quốc hội đầu tiên của Hoa Kỳ, trong bức thư đó ông phân tích rằng, nhược điểm lớn nhất của bản Hiến pháp này là còn thiếu *Luật về các quyền* (Bill of rights), trong đó cần nêu rõ quyền tự do lựa chọn tôn giáo. Năm 1789 *Luật về các quyền* đã được Quốc hội chấp thuận và được thông qua tại tất cả các bang của Hoa Kỳ và có hiệu lực vào năm 1791. Luật này gồm 10 điều về các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tôn giáo, tách

22. Xem: L.N.Velikovich. *Tôn giáo và giáo hội ở Hoa Kỳ*. Sđd., tr 26-27.

23. *The best of church state 1948-1975*. N.Y., 1975, p. 44.

giáo hội khỏi nhà nước, quyền bất khả xâm phạm cá nhân, v.v... Điều đầu tiên trong số 10 điều của *Luật về các quyền* nói về quyền tự do lựa chọn tôn giáo. Điều này viết: “Quốc hội không được ban hành đạo luật lập ra một tôn giáo nào đó hoặc cấm đoán sự tự do tín ngưỡng của nó”⁽²⁴⁾. Điều sửa đổi đầu tiên này quy định rằng, ở Hoa Kỳ tồn tại nhiều tổ chức tôn giáo của các tôn giáo khác nhau, trong đó không có một tổ chức tôn giáo nào mạnh đến mức có thể giành vị trí thống trị ở nước này. Điều sửa đổi này của Hiến pháp đã xác định mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội.

Tuy nhiên, theo nhận xét của chính các học giả Mỹ, *Luật về các quyền*, văn bản bổ sung một cách cơ bản cho Hiến pháp Hoa Kỳ, đã không đảm bảo được một cách thực sự quyền tự do tôn giáo ở nước này⁽²⁵⁾. Nó mới chỉ nêu lên quyền tự do lựa chọn tôn giáo. Nhưng trong những điều kiện lịch sử của Hoa Kỳ lúc đó, khi mà ở từng bang riêng biệt vẫn có những hành động không khoan dung đối với các tôn giáo thiểu số, thì việc thông qua *Luật về các quyền*, trong đó có quyền tự do lựa chọn tôn giáo, vẫn có một ý nghĩa tiến bộ nhất định.

Trên thực tế, chỉ sau khi thông qua sửa đổi lần thứ 14 Hiến pháp Hoa Kỳ vào năm 1868, trong đó nêu rõ không một bang nào được ban hành hay tiến hành sửa đổi các điều luật hạn chế đặc quyền và tự do của công dân⁽²⁶⁾, thì lúc đó điều khoản của sửa đổi lần thứ nhất Hiến pháp Hoa Kỳ mới thực sự trở thành bộ luật chung cho cả nước.

Việc thông qua những sửa đổi của Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn không xóa bỏ được sự bất khoan dung tôn giáo ở nước

này. Trong suốt thế kỉ XIX và cả nửa đầu thế kỉ XX, những tín đồ Tin Lành giáo vẫn có thái độ thù địch đối với người Công giáo và ngược lại những người Công giáo đối với tín đồ Tin Lành giáo. Sự bất hòa và cuộc đấu tranh giữa các giáo phái Tin Lành với Giáo hội Công giáo chủ yếu không phải vì nguyên nhân tôn giáo, mà vì những nguyên nhân chính trị. Một mặt, Tin Lành giáo muốn giành vị trí thống trị trong đời sống chính trị - xã hội Hoa Kỳ; mặt khác, những người Công giáo cũng muốn nâng cao vai trò của mình trong nhà nước Mỹ. Điều này được thể hiện rõ nét trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 1928, khi các giáo hội Tin Lành tiến hành chiến dịch chống lại ứng cử viên tổng thống người Công giáo đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ - E.Smith. Theo truyền thống ở Hoa Kỳ, Tổng thống bao giờ cũng được bầu từ những ứng cử viên Tin Lành giáo. Và E.Smith đã thất bại trong cuộc bầu cử này. Truyền thống này lần đầu tiên và cũng là duy nhất cho đến nay bị phá vỡ khi vào năm 1961, ông chủ Nhà Trắng là một người Công giáo - John Fitzgerald Kennedy⁽²⁷⁾.

Bắt đầu từ những năm 60 thế kỉ XX, các cơ quan thực thi pháp luật ở Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng phạm vi ủng hộ việc thực thi quyền tự do tôn giáo. Đến những năm 70 thế kỉ XX, các nhóm tôn giáo thiểu số vốn trước đây bị đẩy ra ngoài lề thì nay bắt đầu nhận được sự quan tâm đặc biệt. Năm 1993, Quốc hội Hoa Kỳ đã

24. Trích theo: L.N.Velikovich. *Tôn giáo và Giáo hội ở Hoa Kỳ*. Sđd., tr. 27-28.

25. Mott P. *The organization of society*. 1965, p.235.

26. *Hiến pháp của các quốc gia Châu Mỹ*, M., 1959, tr.245 (tiếng Nga).

27. Xem thêm: Nguyễn Văn Dũng. *Tôn giáo và sự phân chia quyền lực chính trị ở Hoa Kỳ*. T/c Châu Mỹ ngày nay. Số 3/2008, tr.62, 64-65.

thông qua điều khoản khôi phục tự do tôn giáo nhằm thực hiện nghiêm túc các điều luật về tự do tôn giáo, chấn chỉnh lại những điều luật của Liên bang hay của các bang trái với những quy định về tự do thực hành tôn giáo, tự do lựa chọn tôn giáo, đã được ghi trong điều khoản sửa đổi của Hiến pháp Hoa Kỳ lần thứ nhất. Tuy nhiên, đến năm 1997 Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã bác bỏ điều khoản khôi phục tự do tôn giáo được Quốc hội thông qua năm 1993 với lí do Quốc hội đã dấn lên chính quyền lực của mình và cho rằng điều khoản này đã làm chia rẽ quyền lực trong chính quyền Liên bang. Nhưng sau đó, một số bang đã thông qua hoặc giới thiệu luật phục hồi tự do tôn giáo⁽²⁸⁾.

Tự do tôn giáo ở Hoa Kỳ, thực ra chỉ là sự tự do lựa chọn tôn giáo và tự do thực hành các lễ nghi tôn giáo. Công dân Mỹ có thể tự do trong việc lựa chọn tôn giáo, nhưng họ lại ít có tự do trong việc từ bỏ tôn giáo. Thông thường, mỗi người dân Mỹ đều phải thuộc về một tôn giáo nào đó và tham gia một tổ chức tôn giáo nào đó. Trên thực tế những người không theo tôn giáo nào hay thậm chí có thái độ thờ ơ với tôn giáo, và hơn nữa là những người có quan điểm vô thần thường bị hạn chế về quyền lợi. Ở một số bang, sự hạn chế này còn được quy định bằng luật pháp của bang.

Trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ, chúng ta khó tìm thấy một yếu nhân chính trị nào là người “không tôn giáo” hoặc vô thần. Những tín đồ các tôn giáo thiểu số cũng khó có được cơ hội này⁽²⁹⁾.

Mặc dù vậy, số lượng “người không tôn giáo” trong xã hội Hoa Kỳ vẫn không ngừng tăng lên, từ 3% dân số nước Mỹ vào những năm 50 thế kỉ XX đến khoảng trên dưới 9% vào cuối những năm 90 thế

kỉ XX. Trong đó cá biệt có bang con số này là khá cao, thí dụ bang Oregon, tỉ lệ này là 17% dân số bang⁽³⁰⁾.

Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên tuyên bố tách Giáo hội khỏi Nhà nước. Nhưng, như V.I.Lênin đã chỉ rõ, việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước, trường học khỏi nhà thờ, như một phương sách mà nền dân chủ tư sản đã hứa hẹn, chưa ở đâu thực hiện được một cách triệt để⁽³¹⁾. Ở Hoa Kỳ, Nhà nước hợp tác chặt chẽ với nhiều tổ chức tôn giáo. Trong lời mở đầu hiến pháp của 42 bang đều nói đến Chúa. Lễ nhậm chức tổng thống được tiến hành cùng với các nghi lễ tôn giáo. Tổng thống tuyên thệ đặt tay lên Kinh Thánh, chúc sắc các tôn giáo - mục sư Tin Lành giáo, Giám mục Công giáo và từ năm 1957 có cả chức sắc Chính Thống giáo đọc kinh cầu nguyện Chúa ban phúc lành cho tổng thống⁽³²⁾.

Những thí dụ nêu trên nói lên một điều rằng, việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước ở Hoa Kỳ ngày càng mang tính hình thức, nó hạn chế quyền tự do tôn giáo được nêu trong *Luật về các quyền* (Bill of rights) được thông qua từ cuối thế kỉ XVIII.

Cần phải nói thêm rằng, ở Hoa Kỳ, trong hiến pháp của nhiều bang có những điều khoản chống lại hiến pháp của Liên

28. Xem: Barbara Cohen. *Tôn giáo Mỹ thế kỉ XX*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3/2006, tr. 64.

29. Xem thêm: Nguyễn Văn Dũng. *Tôn giáo và sự phân chia quyền lực chính trị ở Hoa Kỳ*. T/c *Châu Mỹ ngày nay*. Số 3/2008, tr.62, 64-66.

30. Xem: Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Sđd, phần II năm 2007, tr.16, 24.

31. Xem: V.I.Lênin. *Toàn tập*, T.38, tr.95 (tiếng Nga).

32. Xem thêm: Nguyễn Văn Dũng. *Bước đầu tìm hiểu vị trí của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội Hoa Kỳ nửa sau thế kỉ XX*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7/2007. tr. 61-65.

bang về tự do tôn giáo. Thí dụ ở các bang Arkansas, Maryland, Mississippi, North Carolina, South Carolina, Texas người nào phủ nhận sự tồn tại của Chúa, thì sẽ không được bầu vào bất kì chức vụ nào. Thí dụ, trong hiến pháp của bang North Carolina có ghi: “Tất cả những ai phủ nhận sự tồn tại của Chúa Toàn năng sẽ không thể giữ bất kì chức vụ nào trong các cơ quan dân sự của bang”⁽³³⁾. Theo luật của bang Arkansas, những người phủ nhận sự tồn tại của Chúa thì không thể giữ chức vụ trong các cơ quan của bang này. Những người này cũng mất quyền làm chứng trước tòa án. Các nhà làm luật của bang Delaware còn tiến xa hơn. Họ đưa ra trong hiến pháp của bang điều luật, mà theo đó tất cả các công dân của bang này bắt buộc phải tới các cơ sở tôn giáo công cộng. Quyền tự do tôn giáo của con người ở Hoa Kỳ chỉ được hiểu là tự do lựa chọn tôn giáo, chứ không được hiểu là tự do không theo tôn giáo nào. Tất cả những ai có thái độ phủ định tôn giáo đều bị coi là người chống lại nguyên tắc tự do tôn giáo.

Đi lễ nhà thờ, thể hiện tính tôn giáo của mình đã trở thành một trong những biểu hiện của sự kính trọng (respectability) ở Hoa Kỳ. Người Mỹ cho rằng, một người Mỹ chân chính phải là một tín đồ tôn giáo. Vị tổng thống thứ 43 của Hoa Kỳ G.W. Bush khi chọn ngày 16 tháng 1 là *Ngày tự do tôn giáo* cũng tuyên bố rằng, dân tộc Mỹ là “một dân tộc thống nhất trước Chúa”.

Tóm lại, đa nguyên tôn giáo và tự do tôn giáo ở Hoa Kỳ không phải lúc nào cũng là hai vấn đề thuận chiều nhau. Quả thực, không có một nước nào trên thế giới có bức tranh đa nguyên tôn giáo

rực rỡ, đa sắc màu như ở Hoa Kỳ. Và cũng khó có ở nơi đâu có cách hiểu về tự do tôn giáo đơn chiều như ở Hoa Kỳ. Ở nước này tự do tôn giáo chỉ được hiểu là tự do tin theo tôn giáo, chứ không được hiểu là tự do không tin theo tôn giáo. Chính vì cách hiểu này mà Hoa Kỳ thường xuyên buộc tội các nước khác, trong đó có cả một số nước Châu Âu, là không có tự do tôn giáo và xếp những nước này vào diện các nước được quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo. Mỗi nước, mỗi quốc gia dân tộc đều có những truyền thống lịch sử - văn hóa - tôn giáo - tín ngưỡng riêng của mình. Luật pháp của mỗi nước cũng được xây dựng trên các truyền thống đó. Đó là quyền bất khả xâm phạm của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động như hiện nay, mỗi quốc gia đều đã và đang hoàn chỉnh lại hệ thống luật pháp của mình cho phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo thuận lợi để hội nhập quốc tế. Luật pháp tôn giáo cũng nằm trong tiến trình điều chỉnh này, chứ không có ngoại lệ đối với bất kì quốc gia nào. Do vậy, việc lấy tiêu chuẩn luật pháp của một quốc gia này áp đặt cho một số quốc gia khác là điều không thể chấp nhận được trong thế giới hiện đại. Chỉ có sự hiểu biết lẫn nhau, cùng điều chỉnh và hội nhập mới là phương sách đúng giúp các quốc gia dân tộc xích gần lại nhau hơn, tránh được những xung đột, trong đó có xung đột tôn giáo, nhiều khi rất thảm khốc, như đã từng diễn ra trong lịch sử và mới diễn ra trong những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI./.

33. Trích theo: Sheinman M.M. *Giáo hội và Nhà nước ở Hoa Kỳ*. Trong: *Những vấn đề lịch sử tôn giáo và vô thần*. M., 1954 c.76. (tiếng Nga)